

BIỂU TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH, PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026 ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ TRƯỜNG HỌC
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP, SÁP NHẬP
(NGUỒN NGÂN SÁCH XÃ)

(Kèm theo Quyết định số 2370 /QĐ-UBND ngày 11/9/2026 của UBND xã Nguyễn Bình Khiêm)

Đvt: đồng

Dự toán của đơn vị trước sắp xếp		Tình hình thực hiện dự toán đến thời điểm chốt			Dự toán đơn vị sau sắp xếp				Ghi chú
STT	Tên trường	Dự toán năm 2026 đã giao	Số đã thực hiện đến thời điểm chốt	Số chưa thực hiện	Trường tiếp nhận/sau sắp xếp	Dự toán trường sau sắp xếp (Sau trừ 10% tiết kiệm chi)	Trong đó: số đã thực hiện chuyển sang theo dõi	Trong đó: số chưa thực hiện tiếp tục giao	
1	Trường Mầm non Hòa Bình	8.001.600.000	5.082.409.063	2.919.190.937	Trường Mầm non Nguyễn Bình Khiêm	13.133.000.000	8.427.943.054	4.705.056.946	
2	Trường Mầm non Lý Học	5.131.400.000	3.345.533.991	1.785.866.009					
3	Trường Tiểu học Hòa Bình	7.720.500.000	4.614.896.383	3.105.603.617	Trường Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm	16.103.750.000	9.724.866.728	6.378.883.272	
4	Trường Tiểu học Trần Dương	8.383.250.000	5.109.970.345	3.273.279.655					
5	Trường THCS Hòa Bình-Trần Dương	12.722.000.000	8.140.306.479	4.581.693.521	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	27.993.250.000	16.243.144.411	11.750.105.589	
6	Trường THCS Lý Học-Liên Am-Cao Minh (sau sắp xếp là Trường Tiểu học và THCS Nguyễn Bình Khiêm)	15.271.250.000	8.102.837.932	7.168.412.068					
	TỔNG CỘNG	57.230.000.000	34.395.954.193	22.834.045.807	TỔNG CỘNG	57.230.000.000	34.395.954.193	22.834.045.807	

BIỂU CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH, PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026 ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ TRƯỜNG HỌC
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP, SÁP NHẬP
(NGUỒN NGÂN SÁCH XÃ)

(Kèm theo Quyết định số 2370 /QĐ-UBND ngày 11/9/2026 của UBND xã Nguyễn Bình Khiêm)

Đvt: đồng

Dự toán của đơn vị trước sắp xếp		Tình hình thực hiện dự toán đến thời điểm chốt			Dự toán đơn vị sau sắp xếp				Ghi chú
STT	Tên trường	Dự toán năm 2026 đã giao	Số đã thực hiện đến thời điểm chốt	Số chưa thực hiện	Trường tiếp nhận/sau sắp xếp	Dự toán trường sau sắp xếp (Sau trừ 10% tiết kiệm chi)	Trong đó: số đã thực hiện chuyển sang theo dõi	Trong đó: số chưa thực hiện tiếp tục giao	
A. DỰ TOÁN GIAO ĐẦU NĂM									
I	Trường Mầm non Hòa Bình	7.599.000.000	4.842.009.063	2.756.990.937	Trường Mầm non Nguyễn Bình Khiêm	7.599.000.000	4.842.009.063	2.756.990.937	
1	Tổng cộng lương, các khoản trích theo lương theo biên chế được duyệt	6.742.000.000	4.304.446.602	2.437.553.398	Tổng cộng lương, các khoản trích theo lương theo biên chế được duyệt	6.742.000.000	4.304.446.602	2.437.553.398	
2	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP năm 2024	352.000.000	140.800.000	211.200.000	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP năm 2024	352.000.000	140.800.000	211.200.000	
3	Chi chuyên môn nghiệp vụ, MSSC (sau khi trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên và tổng thu học phí)	505.000.000	396.762.461	108.237.539	Chi chuyên môn nghiệp vụ, MSSC (sau khi trừ 10% Tiết kiệm chi thường xuyên)	505.000.000	396.762.461	108.237.539	
	Trong đó: số tiết kiệm chi theo NQ 135	65.000.000			Trong đó: số tiết kiệm chi theo NQ 135	65.000.000			
II	Trường Mầm non Lý Học	4.868.000.000	3.203.633.991	1.664.366.009	Trường Mầm non Nguyễn Bình Khiêm	4.868.000.000	3.203.633.991	1.664.366.009	
1	Tổng cộng lương, các khoản trích theo lương theo biên chế được duyệt	4.322.000.000	2.837.235.137	1.484.764.863	Tổng cộng lương, các khoản trích theo lương theo biên chế được duyệt	4.322.000.000	2.837.235.137	1.484.764.863	
2	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP năm 2024	226.000.000	90.400.000	135.600.000	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP năm 2024	226.000.000	90.400.000	135.600.000	
3	Chi chuyên môn nghiệp vụ, MSSC (sau khi trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên và tổng thu học phí)	320.000.000	275.998.854	44.001.146	Chi chuyên môn nghiệp vụ, MSSC (sau khi trừ 10% Tiết kiệm chi thường xuyên)	320.000.000	275.998.854	44.001.146	
	Trong đó: số tiết kiệm chi theo NQ 135	43.000.000			Trong đó: số tiết kiệm chi theo NQ 135	43.000.000			
III	Trường Tiểu học Hòa Bình	7.713.000.000	4.607.396.383	3.105.603.617	Trường Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm	7.713.000.000	4.607.396.383	3.105.603.617	
1	Tổng cộng lương, các khoản trích theo lương theo biên chế được duyệt	6.482.000.000	3.926.908.682	2.555.091.318	Tổng cộng lương, các khoản trích theo lương theo biên chế được duyệt	6.482.000.000	3.926.908.682	2.555.091.318	
2	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP năm 2024	360.000.000	180.000.000	180.000.000	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP năm 2024	360.000.000	180.000.000	180.000.000	
3	Chi chuyên môn nghiệp vụ, MSSC (sau khi trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên)	871.000.000	500.487.701	370.512.299	Chi chuyên môn nghiệp vụ, MSSC (sau khi trừ 10% Tiết kiệm chi thường xuyên)	871.000.000	500.487.701	370.512.299	
	Trong đó: số tiết kiệm chi theo NQ 135	107.000.000			Trong đó: số tiết kiệm chi theo NQ 135	107.000.000			

Dự toán của đơn vị trước sắp xếp		Tình hình thực hiện dự toán đến thời điểm chốt			Dự toán đơn vị sau sắp xếp				Ghi chú
STT	Tên trường	Dự toán năm 2026 đã giao	Số đã thực hiện đến thời điểm chốt	Số chưa thực hiện	Trường tiếp nhận/sau sắp xếp	Dự toán trường sau sắp xếp (Sau trừ 10% tiết kiệm chi)	Trong đó: số đã thực hiện chuyển sang theo dõi	Trong đó: số chưa thực hiện tiếp tục giao	
IV	Trường Tiểu học Trần Dương	8.381.000.000	5.107.720.345	3.273.279.655	Trường Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm	8.381.000.000	5.107.720.345	3.273.279.655	
1	Tổng cộng lương, các khoản trích theo lương theo biên chế được duyệt	7.051.000.000	4.452.466.603	2.598.533.397	Tổng cộng lương, các khoản trích theo lương theo biên chế được duyệt	7.051.000.000	4.452.466.603	2.598.533.397	
2	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP năm 2024	382.000.000	191.000.000	191.000.000	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP năm 2024	382.000.000	191.000.000	191.000.000	
3	Chi chuyên môn nghiệp vụ, MSSC (sau khi trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên)	948.000.000	464.253.742	483.746.258	Chi chuyên môn nghiệp vụ, MSSC (sau khi trừ 10% Tiết kiệm chi thường xuyên)	948.000.000	464.253.742	483.746.258	
	Trong đó: số tiết kiệm chi theo NQ 135	119.000.000			Trong đó: số tiết kiệm chi theo NQ 135	119.000.000			
V	Trường THCS Hòa Bình-Trần Dương	12.149.000.000	7.817.896.479	4.331.103.521	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	12.149.000.000	7.817.896.479	4.331.103.521	
1	Tổng cộng lương, các khoản trích theo lương theo biên chế được duyệt	10.678.000.000	6.908.856.843	3.769.143.157	Tổng cộng lương, các khoản trích theo lương theo biên chế được duyệt	10.678.000.000	6.908.856.843	3.769.143.157	
2	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP năm 2024	600.000.000	300.000.000	300.000.000	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP năm 2024	600.000.000	300.000.000	300.000.000	
3	Chi chuyên môn nghiệp vụ, MSSC (sau khi trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên và tổng thu học phí)	871.000.000	609.039.636	261.960.364	Chi chuyên môn nghiệp vụ, MSSC (sau khi trừ 10% Tiết kiệm chi thường xuyên)	871.000.000	609.039.636	261.960.364	
	Trong đó: số tiết kiệm chi theo NQ 135	115.000.000			Trong đó: số tiết kiệm chi theo NQ 135	115.000.000			
VI	Trường THCS Lý Học-Liên Am-Cao Minh (sau sắp xếp là Trường Tiểu học và THCS Nguyễn Bình Khiêm)	14.649.000.000	7.752.137.932	6.896.862.068	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	14.649.000.000	7.752.137.932	6.896.862.068	
1	Tổng cộng lương, các khoản trích theo lương theo biên chế được duyệt	12.815.000.000	6.836.564.632	5.978.435.368	Tổng cộng lương, các khoản trích theo lương theo biên chế được duyệt	12.815.000.000	6.836.564.632	5.978.435.368	
2	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP năm 2024	722.000.000	361.000.000	361.000.000	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP năm 2024	722.000.000	361.000.000	361.000.000	
3	Chi chuyên môn nghiệp vụ, MSSC (sau khi trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên và tổng thu học phí)	1.112.000.000	554.573.300	557.426.700	Chi chuyên môn nghiệp vụ, MSSC (sau khi trừ 10% Tiết kiệm chi thường xuyên)	1.112.000.000	554.573.300	557.426.700	
	Trong đó: số tiết kiệm chi theo NQ 135	133.000.000			Trong đó: số tiết kiệm chi theo NQ 135	133.000.000			
CỘNG A		55.359.000.000	33.330.794.193	22.028.205.807		55.359.000.000	33.330.794.193	22.028.205.807	
B. DỰ TOÁN GIAO THU HỌC PHÍ									
1	Trường Mầm non Hòa Bình	401.000.000	238.800.000	162.200.000	Trường Mầm non Nguyễn Bình Khiêm	401.000.000	238.800.000	162.200.000	
2	Trường Mầm non Lý Học	261.000.000	139.500.000	121.500.000	Trường Mầm non Nguyễn Bình Khiêm	261.000.000	139.500.000	121.500.000	
3	Trường THCS Hòa Bình-Trần Dương	564.000.000	313.410.000	250.590.000	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	564.000.000	313.410.000	250.590.000	

Dự toán của đơn vị trước sắp xếp		Tình hình thực hiện dự toán đến thời điểm chốt			Dự toán đơn vị sau sắp xếp				Ghi chú
STT	Tên trường	Dự toán năm 2026 đã giao	Số đã thực hiện đến thời điểm chốt	Số chưa thực hiện	Trường tiếp nhận/sau sắp xếp	Dự toán trường sau sắp xếp (Sau trừ 10% tiết kiệm chi)	Trong đó: số đã thực hiện chuyển sang theo dõi	Trong đó: số chưa thực hiện tiếp tục giao	
4	Trường THCS Lý Học-Liên Am-Cao Minh (sau sắp xếp là Trường Tiểu học và THCS Nguyễn Bình Khiêm)	611.000.000	339.450.000	271.550.000	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	611.000.000	339.450.000	271.550.000	
CỘNG B		1.837.000.000	1.031.160.000	805.840.000		1.837.000.000	1.031.160.000	805.840.000	
C. DỰ TOÁN BỔ SUNG TRONG NĂM									
1	Trường Mầm non Hòa Bình	1.600.000	1.600.000	0	Trường Mầm non Nguyễn Bình Khiêm	1.600.000	1.600.000	0	
-	Kinh phí hỗ trợ ăn trưa cho trẻ 3,4,5 tuổi kỳ 2 NH2025-2026 (từ tháng 1 đến tháng 05.2026) (QĐ số 1017/QĐ-UBND)	1.600.000	1.600.000	0	Kinh phí hỗ trợ ăn trưa cho trẻ 3,4,5 tuổi kỳ 2 NH2025-2026 (từ tháng 1 đến tháng 05.2026) (QĐ số 1017/QĐ-UBND)	1.600.000	1.600.000	0	
2	Trường Mầm non Lý Học	2.400.000	2.400.000	0	Trường Mầm non Nguyễn Bình Khiêm	2.400.000	2.400.000	0	
-	Kinh phí hỗ trợ ăn trưa cho trẻ mầm non theo QĐ số 1017/QĐ-UBND ngày 28/4/2026 của UBND xã Nguyễn Bình Khiêm	2.400.000	2.400.000	0	Kinh phí hỗ trợ ăn trưa cho trẻ mầm non theo QĐ số 1017/QĐ-UBND ngày 28/4/2026 của UBND xã Nguyễn Bình Khiêm	2.400.000	2.400.000	0	
3	Trường Tiểu học Hòa Bình	7.500.000	7.500.000	0	Trường Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm	7.500.000	7.500.000	0	
-	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập kỳ 2 NH2025-2026 (từ tháng 1 đến tháng 05.2026) (QĐ số 1041/QĐ-UBND ngày 05/5/2026)	7.500.000	7.500.000	0	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập kỳ 2 NH2025-2026 (từ tháng 1 đến tháng 05.2026) (QĐ số 1041/QĐ-UBND ngày 05/5/2026)	7.500.000	7.500.000	0	
4	Trường Tiểu học Trần Dương	2.250.000	2.250.000	0	Trường Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm	2.250.000	2.250.000	0	
-	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập kỳ 2 NH2025-2026 (từ tháng 1 đến tháng 05.2026) (QĐ số 1041/QĐ-UBND ngày 05/5/2026)	2.250.000	2.250.000	0	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập kỳ 2 NH2025-2026 (từ tháng 1 đến tháng 05.2026) (QĐ số 1041/QĐ-UBND ngày 05/5/2026)	2.250.000	2.250.000	0	
5	Trường THCS Hòa Bình-Trần Dương	9.000.000	9.000.000	0	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	9.000.000	9.000.000	0	
-	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập kỳ 2 NH2025-2026 (từ tháng 1 đến tháng 05.2026) (QĐ số 1041/QĐ-UBND ngày 05/5/2026)	9.000.000	9.000.000	0	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập kỳ 2 NH2025-2026 (từ tháng 1 đến tháng 05.2026) (QĐ số 1041/QĐ-UBND ngày 05/5/2026)	9.000.000	9.000.000	0	
6	Trường THCS Lý Học-Liên Am-Cao Minh (sau sắp xếp là Trường Tiểu học và THCS Nguyễn Bình Khiêm)	11.250.000	11.250.000	0	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	11.250.000	11.250.000	0	
-	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập kỳ 2 NH2025-2026 (từ tháng 1 đến tháng 05.2026) (QĐ số 1041/QĐ-UBND ngày 05/5/2026)	11.250.000	11.250.000	0	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập kỳ 2 NH2025-2026 (từ tháng 1 đến tháng 05.2026) (QĐ số 1041/QĐ-UBND ngày 05/5/2026)	11.250.000	11.250.000	0	
CỘNG C		34.000.000	34.000.000	0		34.000.000	34.000.000	0	
TỔNG CỘNG (A+B+C)		57.230.000.000	34.395.954.193	22.834.045.807		57.230.000.000	34.395.954.193	22.834.045.807	